

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

*ALPHA SEVEN GROUP  
JOINT STOCK COMPANY*

Số: 61/2025/CV-A7

No: 61/2025/CV-A7

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

*Independence - Freedom - Happiness*

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2025*

*Ho Chi Minh City, July 30, 2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: - State Securities Commission of Vietnam

- Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Alpha Seven thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4/năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

*In accordance with the provisions of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance on information disclosure in the securities market, Alpha Seven Group Joint Stock Company discloses its Q4/2024 financial statements to the Hanoi Stock Exchange as follows:*

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

**Organization Name: ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK  
COMPANY**

- Mã chứng khoán: DL1

*Stock code: DL1*

- Địa chỉ: Lô I3- 6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Address: Lot I3-6 N2 Street, High-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam*

- Điện thoại liên hệ: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

*Contact phone: 028.3736.7187*

*Fax: 028.3736.7187*

- Email: [info@a7group.vn](mailto:info@a7group.vn)

Website: <http://www.a7group.vn>

## 2. Nội dung thông tin công bố:

*Content of the Announcement:*

- Báo cáo tài chính quý 2 năm 2025

*The Financial statements Q2 2025*

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

*Separate financial statements (for a public company without subsidiaries and a superior accounting unit with affiliated units);*

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

*Consolidated financial statements (for a public company with subsidiaries);*

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

*Combined financial statements (for a public company with affiliated accounting units that have an independent accounting system).*

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

*Cases requiring an explanation of reasons:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

*The auditing organization issues an opinion that is not an unqualified opinion on the financial statements (for reviewed/audited financial statements):*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

*Explanatory document in case of integration:*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

*The after-tax profit in the reporting period differs by 5% or more before and after the audit, or shifts from a loss to a profit or vice versa (for the audited financial statements of 2024):*

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



*Explanatory document in case of integration:*

☐ Có/Yes



Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

*The after-tax profit in the income statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year:*

☐ Có/Yes



Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

*Explanatory document in case of integration:*

☐ Có/Yes



Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

*The after-tax profit in the reporting period is a loss, or it shifts from a profit in the same period of the previous year to a loss in the current period, or vice versa:*

☐ Có/Yes



Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

*Explanatory document in case of integration:*

☐ Có/Yes



Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/07/2025 tại đường dẫn:

*This information was published on the Company's website on 30/07/2025 at the following link:*

⇒ <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo Quý 2 năm 2025.

*Report on transactions with a value equal to or exceeding 35% of the total assets during the Q2 2025 reporting period.*

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau: Không có.

*In cases where the public company has transactions, it is required to fully report the following details: None.*

- Nội dung giao dịch:

*Transaction content:*

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

*The transaction value ratio to the company's total assets (%) (based on the most recent financial statements).;*

- Ngày hoàn thành giao dịch:

*Transaction completion date:*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

*We hereby confirm that the information provided above is accurate and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.*

***Tài liệu đính kèm:***

***Attached Document:***

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2025;  
Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm quý 2 năm 2025;  
Giải trình chênh lệch 10% LNST quý 2 năm 2025  
- Consolidated financial statements for Q2 2025;  
Parent company financial statements for Q2 2025;  
Explanation of a 10% difference in after-tax profit for Q2 2025.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật

**Organization Representative**

**Legal Representative**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

*(Sign, full name, position, seal)*



**Nguyễn Đình Trạc**

**Nguyen Dinh Trac**





**ALPHA SEVEN GROUP JOINT  
STOCK COMPANY**

**No. 64/2025/CV-A7**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence – Freedom – Happiness**

*HCMC, July 30, 2025*

*“Re: Explanation regarding the Q2  
2025 Financial Statements”*

**To: The State Securities Commission  
Hanoi Stock Exchange**

*- Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance, providing guidance on information disclosure in the securities market;*

*- Based on the separate and consolidated financial statements for the second quarter of 2025 of Alpha Seven Group Joint Stock Company;*

The Company would like to explain the differences in profit after corporate income tax (CIT) that changed by 10% or more compared to the same period last year as follows:

**I. In the Separate Statement of Profit and Loss :**

<b>Item</b>	<b>Separate FS Q2/2025</b>	<b>Separate FS Q2/2024</b>	<b>Difference</b>
Profit after CIT	10.799.938.609	2.579.683.353	8.220.255.256

Profit after corporate income tax in Q2/2025 was a profit of VND 10.799 billion, an increase of VND 8.220 billion compared to the same period in 2024, due to the following reasons:

- Revenue from sales of goods and services in Q2/2025 increased by VND 757 million (equivalent to 15.05%) compared to Q2/2024, while cost of goods sold decreased by 19.67%, resulting in an increase of VND 1.175 billion in gross profit from sales and services;

- Financial income in Q2/2025 increased by VND 30.187 billion compared to the same period in 2024, as the Company received dividends from subsidiaries and associates.

- Financial expenses in Q2/2025 increased by VND 23.034 billion compared to Q2/2024 due to provision for impairment of financial investments in subsidiaries.

- General and administrative expenses increased by VND 140 million compared to Q2/2024.

The above reasons led to profit after CIT in Q2/2025 reaching VND 10.799 billion, an increase compared to the same period of 2024 .

## II. In the Consolidated Statement of Profit and Loss

Item	Consolidated FS Q2/2025	Consolidated FS Q2/2024	Difference
Profit after CIT	12.718.580.416	29.474.254.096	(16.755.673.680)

- Profit after CIT in Q2/2025 was a profit of VND 12.718 billion, a decrease of VND 16.755 billion compared to the same period in 2024, due to the following reasons:

- Revenue from sales of goods and services in Q2/2025 increased by VND 186.862 billion (equivalent to 223.57%) compared to Q2/2024, and cost of goods sold decreased by 389.43%, resulting in an increase of VND 27.312 billion in gross profit.

- Financial income increased by VND 13.607 billion compared to Q2/2024, mainly from increased financial revenue from subsidiaries.

- Financial expenses increased by VND 5.483 billion due to higher financial costs in subsidiaries.

- Selling expenses increased by VND 977 million compared to Q2/2024.

- General and administrative expenses increased by VND 39.047 billion compared to the same period in 2024.

The above reasons led to profit after CIT in Q2/2025 reaching VND 12.718 billion, a decrease compared to the same period in 2024.

Best regards !

### Receipients:

- *As above;*

- *Accountant record.*

**ALPHA SEVEN GROUP  
JOINT STOCK COMPANY**

**General Director**



**NGUYỄN ĐÌNH TRẠC**



## ENTERPRISE-BALANCE SHEET (SEPERATE)

( Applicable to enterprises that meet the going concern assumption)  
As at June 30, 2025

Unit: VND

ASSETS	Code	Explanatory notes	End-of-period	Beginning of the year
1	2	3	4	5
<b>ASSETS</b>			<b>1,284,196,510,808</b>	<b>1,323,608,505,526</b>
<b>A- SHORT-TERM ASSETS</b>	<b>100</b>		<b>464,812,994,603</b>	<b>472,213,219,537</b>
<b>I. Cash and Cash equivalent</b>	<b>110</b>		<b>1,231,561,648</b>	<b>1,456,031,408</b>
1. Cash	111	V.1	1,231,561,648	1,456,031,408
2. Cash equivalents	112			
<b>II. Short-term financial investments</b>	<b>120</b>		<b>130,000,000,000</b>	<b>151,020,000,000</b>
1. Security Trading	121	V.2	-	55,200,000,000
2. Provision for impairment of Security Trading(*)	122		-	(4,180,000,000)
3. Held-to-maturity investments	123	V.3	130,000,000,000	100,000,000,000
<b>III. Short-term receivables</b>	<b>130</b>		<b>332,600,013,638</b>	<b>319,039,666,238</b>
1. Short-term receivables from customers	131	V.4	137,148,008,390	211,634,114,963
2. Short-term advance to suppliers	132	V.5	44,717,475,639	2,970,300,000
3. Short-term intercompany receivables	133		0	0
4. Receivables based on the progress of construction contract sch	134		0	0
5. Other short-term receivables from loans	135	V.6	96,879,493,346	77,208,383,344
6. Other short-term receivables	136	V.8a	54,527,736,263	27,899,567,931
7. Provision for doubtful short-term receivables(*)	137	V.9	(672,700,000)	(672,700,000)
8. Unaccounted assets awaiting resolution	139		0	0
<b>IV. Inventory</b>	<b>140</b>		<b>645,203,559</b>	<b>645,203,559</b>
1. Inventory	141	V.7	645,203,559	645,203,559
2. Provision for impairment of inventory (*)	149		0	0
<b>V. Other short-term assets</b>	<b>150</b>		<b>336,215,758</b>	<b>52,318,332</b>
1. Short-term prepaid expenses	151	V.10a	336,215,758	52,318,332
2. Value-added tax (VAT) deductible	152		-	-
3. Taxes and other receivables from the State	153			
4. Government bond repurchase transactions	154			
5. Other short-term assets	155			
<b>B. LONG-TERM ASSETS</b>	<b>200</b>		<b>819,383,516,205</b>	<b>851,395,285,989</b>
<b>I. Long-term receivables</b>	<b>210</b>		<b>2,064,375,501</b>	<b>2,064,375,501</b>
1. Long-term receivables from customers	211		0	0
2. Long-term advance to suppliers	212			
3. Operating capital at subsidiary units	213		0	0
4. Long-term intercompany receivables	214		0	0
5. Long-term receivables from loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.8b	2,064,375,501	2,064,375,501
7. Provision for doubtful long-term receivables (*)	219		0	0
<b>II. Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>80,276,012,395</b>	<b>81,704,583,187</b>
<b>1. Tangible fixed assets</b>	<b>221</b>	<b>V.11</b>	<b>20,173,459,432</b>	<b>21,582,340,702</b>
- Acquisition cost	222		48,208,652,228	48,208,652,228
- Accumulated depreciation(*)	223		(28,035,192,796)	(26,626,311,526)
<b>2. Finance lease assets</b>	<b>224</b>		-	-
- Acquisition cost	225		-	-
- Accumulated depreciation(*)	226		-	-
<b>3. Intangible fixed assets</b>	<b>227</b>	<b>V.12</b>	<b>60,102,552,963</b>	<b>60,122,242,485</b>
- Acquisition cost	228		60,441,795,000	60,441,795,000
- Accumulated depreciation(*)	229		(339,242,037)	(319,552,515)
<b>III. Investment property</b>	<b>230</b>	<b>V.13</b>	-	-
- Acquisition cost	231		1,891,892,974	1,891,892,974
- Accumulated depreciation(*)	232		(1,891,892,974)	(1,891,892,974)



<b>IV. Long-term work-in-progress assets</b>	<b>240</b>		<b>49,083,637,960</b>	<b>48,843,637,960</b>
1. Long-term work in progress for production and business costs	241			
2. Work in progress for basic construction costs	242	V.14	49,083,637,960	48,843,637,960
<b>V. Long-term financial investments</b>	<b>250</b>	<b>V.15</b>	<b>687,207,679,784</b>	<b>718,403,843,208</b>
1. Investment in subsidiaries	251		537,000,000,000	537,000,000,000
2. Investment in joint ventures and associates	252		201,187,500,000	201,187,500,000
3. Equity investment in other entities	253			0
4. Provision for long-term financial investments(*)	254		(50,979,820,216)	(19,783,656,792)
5. Held-to-maturity investments	255		0	0
<b>VI. Other long-term assets</b>	<b>260</b>		<b>751,810,565</b>	<b>378,846,133</b>
1. Long-term prepaid expenses	261	V.10b	751,810,565	378,846,133
2. Deferred tax assets	262		0	0
3. Long-term equipment, materials, and spare parts	263			
4. Other long-term assets	268		-	-
<b>TOTAL ASSETS (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1,284,196,510,808</b>	<b>1,323,608,505,526</b>
<b>Source of Capital</b>			<b>1,284,196,510,808</b>	<b>1,323,608,505,526</b>
<b>C. Account Payables</b>	<b>300</b>		<b>60,790,107,097</b>	<b>135,745,908,744</b>
<b>I. Short-term liabilities</b>	<b>310</b>		<b>60,790,107,097</b>	<b>135,745,908,744</b>
1. Short-term accounts payable	311	V.16	12,462,074,114	12,485,574,114
2. Short-term advance payments from customers	312		-	23,909,089
3. Taxes and other payables to the state	313	V.17	3,726,009,734	3,517,473,786
4. Amounts payable to employees	314		587,905,945	515,804,659
5. Short-term accrued expenses	315	V.18	345,477,781	2,885,457,990
6. Short-term intercompany payables	316			
7. Payables according to the construction contract progress schedule	317		0	0
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.19	307,320,456	315,530,992
10. Short-term borrowings and financial lease liabilities	320	V.20	42,747,659,000	115,388,498,047
11. Short-term provisions	321		0	0
12. Welfare and reward fund	322		613,660,067	613,660,067
13. Price stabilization fund	323			
14. Government bond repurchase transactions	324			
<b>II. Long-term liabilities</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Long-term accounts payable	331		0	0
2. Long-term advance payments from customers	332		0	0
3. Long-term accrued expenses	333		0	0
4. Intercompany payables for business capital	334		0	
5. Long-term intercompany payables	335		0	
6. Long-term unearned revenue	336		0	0
7. Other long-term payables	337		-	-
8. Long-term borrowings and financial lease liabilities	338		-	-
9. Convertible bonds	339			
10. Preferred stocks	340			
11. Deferred tax liabilities	341			
12. Long-term provisions	342			
13. Science and technology development fund	343		0	0
<b>D. Owner's equity</b>	<b>400</b>		<b>1,223,406,403,711</b>	<b>1,187,862,596,782</b>
<b>I. Owner's equity</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>1,223,406,403,711</b>	<b>1,187,862,596,782</b>
1. Owner's equity contribution	411		1,062,360,940,000	1,062,360,940,000
2. Share premium	412		1,049,485,820	1,049,485,820
3. Convertible bond option	413			
4. Other owner's equity	414		0	0
5. Treasury stock(*)	415		0	0
6. Revaluation surplus	416		0	0
7. Foreign exchange rate differences	417		0	0
8. Development investment fund	418		663,498,805	663,498,805
9. Enterprise restructuring support fund	419			
10. Other reserves under owner's equity	420			0
11. Undistributed after-tax profit	421		159,332,479,086	123,788,672,157
- Undistributed cumulative after-tax profit as of the end of the previous period	421a		123,788,672,157	100,182,443,890
- Undistributed after-tax profit for the current period	421b		35,543,806,929	23,606,228,267

00437  
CÔNG  
HÂN T  
PHAS  
C-T-P



12. Capital investment sources for construction in progress	422		0	0
<b>II. Other funding sources and reserves</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Funding sources	431		0	0
2. Funding sources that have formed fixed assets	432		0	0
<b>TOTAL SOURCE OF CAPITAL (440= 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1,284,196,510,808</b>	<b>1,323,608,505,526</b>

Prepared by



Hà Thị Phương Oanh

Chief of Accounting



Hà Thị Phương oanh

Dated July 30, 2025

General Director



Nguyễn Đình Trạc



**ALPHA SEVEN GROUP JOIN STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, KCNC, Tầng Nhôm Phú A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City (Issued pursuant to Circular No. 200/2014/TT-BTC  
Tel: 0283 7367187 Fax: 0283 7367187 Dated 22/12/2014 of the Ministry of Finance)

Template number B02-DN

**ENTERPRISE-INCOME STATEMENT ( SEPERATE)**

As of June 30, 2025

Unit: VND

Indicator	Code	Explanatory notes	Q IV		Cumulative total from the beginning of the year to the end of this quarter	
			This year	Last year	This year	Last year
1	2	3	4	5	6	7
1. Revenue from sales of goods and provision of services	01	VI.1	5,789,082,341	5,031,595,904	11,261,061,049	9,767,634,847
2. Revenue deductions	02		0	0	0	0
3. Net revenue from sales of goods and provision of services (10 = 01 - 02)	10		5,789,082,341	5,031,595,904	11,261,061,049	9,767,634,847
4. COGS	11	VI.2	1,706,397,301	2,124,322,798	3,260,387,315	3,596,661,751
5. Gross profit from sales of goods and provision of services (20=10-11)	20		4,082,685,040	2,907,273,106	8,000,673,734	6,170,973,096
6. Financial income	21	VI.3	33,529,754,617	3,342,157,164	63,055,863,726	4,079,728,967
7. Financial expenses	22	VI.4	25,191,877,369	2,157,591,041	32,653,003,696	1,293,037,616
- Including: Interest expenses	23		665,971,615	2,157,591,041	1,456,840,271	1,293,037,616
8. Selling expenses	25	VI.5	140,809,907	139,750,338	279,707,183	280,141,060
9. Administrative expenses	26	VI.6	968,417,499	827,531,479	1,554,797,477	1,818,661,343
10. Net profit from business operations (30=20+(21-22) - (25+26))	30		11,311,334,882	3,124,557,412	36,569,029,104	6,858,862,044
11. Other income	31		-	-	-	-
12. Other expenses	32	VI.7	42,409,129	28,527,865	53,692,919	33,719,508
13. Other income (40=31-32)	40		(42,409,129)	(28,527,865)	(53,692,919)	(33,719,508)
14. Total accounting profit before tax (50=30+40)	50		11,268,925,753	3,096,029,547	36,515,336,185	6,825,142,536
15. Current corporate income tax expense	51	V.17	468,987,144	516,346,194	971,529,256	1,297,603,048
16. Deferred corporate income tax expense	52		0	0	0	0
17. Net profit after corporate income tax (60=50-51-52)	60		10,799,938,609	2,579,683,353	35,543,806,929	5,527,539,488
18. Basic earnings per share (EPS)(*)	70					
19. Diluted earnings per share(**)	71					

Prepared by

Chief of Accounting

Dated July 30, 2025  
General Director

Hà Thị Phương Oanh

Hà Thị Phương oanh





**ENTERPRISE - CASH FLOW - PPGT**  
As of June 30, 2025

Unit: VND

Indicator	Indicator Code	Explanatory notes	Year-to-date through the end of this quarter (This year)	Year-to-date through the end of this quarter (Last year)
<b>I. Cash flow from operating activities</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Profit before tax	01		11,515,336,185	6,825,142,536
<b>2. Adjustments for items</b>			<b>(33,135,108,227)</b>	<b>(1,332,568,659)</b>
- Depreciation of fixed assets	02		1,428,570,792	1,454,122,692
- Provisions	03		(4,180,000,000)	-
- Unrealized foreign exchange rate gains and losses	04		0	0
- Gains and losses from investment activities	05		(63,036,682,715)	(4,079,728,967)
- Interest expenses	06		32,653,003,696	1,293,037,616
<b>3. Profit from operating activities before changes in working capital</b>			<b>(21,619,772,042)</b>	<b>5,492,573,877</b>
- Increase, decrease in receivables	09		1,745,003,808	169,725,248,180
- Increase, decrease in Inventory	10		-	-
- Increase, decrease in payables (Excluding interest payable and corporate income tax payable)	11		(2,064,692,771)	100,291,932,228
- Increase, decrease in prepaid expenses	12		(372,964,432)	196,076,281
- Increase, decrease in Security Trading	13			
- Cash paid for interest	14		(1,309,971,972)	-
- Corporate income tax paid	15		(200,000,000)	(37,139,680)
- Other cash receipts from operating activities	16			-
- Other cash payments for operating activities	17		-	
<b>Net cash flow from operating activities</b>	<b>20</b>		<b>(23,822,397,409)</b>	<b>275,668,690,886</b>
<b>II. Net cash flow from investing activities</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Cash payments for the purchase and construction of fixed assets and other long-term assets	21		-	-
2. Cash proceeds from the disposal and sale of fixed assets and other long-term assets	22		-	-
3. Cash payments for loans and purchase of debt instruments of other entities	23		(238,122,300,000)	(336,492,090,000)
4. Cash receipts from loans recovered and sale of debt instruments of other entities	24		210,625,691,951	118,692,270,196
5. Cash payments for investments in other entities	25		-	
6. Cash receipts from investment recoveries in other entities	26		55,200,000,000	
7. Cash receipts from interest on loans, dividends, and profit distributions from other entities	27		55,709,876,698	1,053,535,331
<b>Net cash flow from investing activities</b>	<b>30</b>		<b>83,413,268,649</b>	<b>(216,746,284,473)</b>
<b>III. Cash flow from financing activities</b>				<b>0</b>
1. Cash received from issuing shares and owner's equity contribution	31			
2. Cash payments for distributions to owners and repurchase of the company's issued shares	32			0
3. Cash received from short-term and long-term borrowings	33		80,384,659,000	50,000,000,000
4. Cash payments for repayment of loan principal	34		(140,200,000,000)	(88,550,000,000)
5. Cash payments for lease liabilities	35		0	0
6. Dividends and profits paid to owners	36		0	0
<b>Net cash flow from financing activities</b>	<b>40</b>		<b>(59,815,341,000)</b>	<b>(38,550,000,000)</b>
<b>Net cash flow for the period (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(224,469,760)</b>	<b>20,372,406,413</b>
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60		1,456,031,408	1,258,406,634
Effect of exchange rate changes on the conversion of foreign currency	61		0	0
<b>Cash and cash equivalents at the End of the period (70 = 50+60)</b>	<b>70</b>	V.1	<b>1,231,561,648</b>	<b>21,630,813,047</b>

Prepared by

Chief of Accounting

Dated July 30, 2025

General Director

Hà Thị Phương Oanh

Hà Thị Phương oanh

Nguyễn Đình Trạc



## **NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS**

### **For the financial term ending June 30, 2025**

This note is an integral part and should be read in conjunction with the Separate Financial Statements for the financial term ending June 30, 2025, of Alpha Seven Group Joint Stock Company.

#### **I. NATURE OF OPERATIONS**

##### **1. Form of Capital Ownership**

Alpha Seven Group Joint Stock Company (hereinafter referred to as the “Company”) is a joint stock company.

##### **2. Business Areas**

- Passenger Transportation Services;
- Bus Station and Parking Lot Services;
- Electricity Generation.

##### **3. Business Sectors**

- Road Freight Transportation;
- Other Road Passenger Transport. Details: Fixed-route passenger transport;
- Other support services related to transportation;
- Urban and suburban road passenger transport (excluding bus transport). Details: Contract-based passenger transport;
- Warehousing and goods storage services;
- Real estate business, ownership or leasing of land use rights. Details: Real estate business; Infrastructure and related services in industrial zones, urban areas; Leasing of offices, factories, and residential properties;
- Site preparation (excluding mine clearance and similar activities at construction sites);
- Electrical system installation (excluding mechanical processing, recycling of waste, and electroplating at the premises);
- Road construction works. Details: Road construction, investment in transportation projects (under BOT and BT forms);
- Electricity Generation. Details: Wind and solar electricity generation, etc.;
- Services directly supporting road transportation. Details: Investment and construction of bus stations and parking lots across provinces and cities nationwide; Bus Station and Parking Lot Services for vehicles;
- Urban bus transport;
- Suburban and intercity bus transport.

##### **4. Normal Production and Business Cycle**

The Company’s Normal Production and Business Cycle: 12 months.

##### **5. Features of the Company’s Operations Affecting the Separate Financial Statements**

The transportation industry is highly dependent on this factor, which has a significant impact on public demand for travel, affecting the Company's passenger transport operations. As a result, passenger transportation revenue decreased compared to the same period last year.



**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot I3-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025**6. Company Structure*****Branches*****Branch Name****Address**

Gia Lai Bus Station – A Branch of Alpha

43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành Phố

Seven Group Joint Stock Company

Pleiku, Gia Lai

***Subsidiaries***

NO.	Company Name	Main Business Sectors	As of the end of the period (30/06/2025)			As of the beginning of the year		
			Capital Contribution Ratio	Voting right Ratio	Ownership Ratio	Capital Contribution Ratio	Voting right Ratio	Ownership Ratio
1.	DLG Ansen Electronics Limited Liability Company	Manufacture of consumer electronics products; manufacture of measuring, testing, orientation, and control equipment; manufacture of electronic components.	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	DLG Ninh Thuận Solar Power Joint Stock Company	Investment in the construction of solar and wind energy projects; electricity transmission production; mining of stone and clay; construction of railways and roads; installation of industrial machinery and electrical systems.	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%
3.	Mass Noble Investment Limited Company	Manufacture of high-tech electronic components, equipment, and telecommunications devices	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
4.	Ansen Investment Holdings Limited (Indirect	Investment	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%

**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot I3-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**

2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025

NO.	Company Name	Main Business Sectors	As of the end of the period (30/06/2025)			As of the beginning of the year		
			Capital Contribution Ratio	Voting right Ratio	Ownership Ratio	Capital Contribution Ratio	Voting right Ratio	Ownership Ratio
	subsidiary)							
5.	Shine Profit Development Limited (Indirect subsidiary)	Design, manufacture, and trade of personal care products, home security solutions, and energy-saving devices.	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
6.	Greatrich Industrial Limited (Indirect subsidiary)	Manufacture and trading of components for personal care products, home security systems, and energy-saving devices; investment activities	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
7.	Profit Metal Limited (Indirect subsidiary)	Manufacture and trading of components for personal care products, home security systems, and energy-saving devices	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
8.	東莞橋頭益發燈具有限公司 (Indirect subsidiary)	Manufacture and trading of components for personal care products, home security systems, and energy-saving devices; investment activities	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
9.	東莞利材塑膠製品有限公司 (Indirect subsidiary)	Manufacture and trading of packaging products	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
10.	東莞安迅電子有限公司 (Indirect subsidiary)	Manufacture and trading of components for personal care products, home security systems, and energy-saving devices	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%



**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025**Joint Venture and Affiliate Companies**

NO.	Company Name	Main Business Sectors	As of the end of the period (30/06/2025)			As of the beginning of the year		
			Capital Contribution Ratio	Voting right Ratio	Ownership Ratio	Capital Contribution Ratio	Voting right Ratio	Ownership Ratio
1.	Đức Long Đắk Nông BOT and BT Joint Stock Company	Investment in the construction of transportation infrastructure	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

**7. Employees**

As of June 30, 2025, the Company has 31 employees working (compared to 32 employees at the beginning of the year).

**II. FINANCIAL YEAR, CURRENCY UNIT USED IN ACCOUNTING****1. Financial year**

The Company's financial year begins on January 1st and ends on December 31st every year. The semi-annual report for Q2 of 2025 covers the period from January 1st to June 30<sup>th</sup>.

**2. Currency Used in Accounting**

Currency Used in Accounting is Vietnam Dong (VND).

**III. APPLICABLE ACCOUNTING STANDARDS AND REGULATIONS****1. Applicable accounting standards and regulations**

The company applies the Vietnamese Accounting Standards and the corporate accounting regime issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016, which amends and supplements some articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC, and Circular No. 202/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, as well as the circulars guiding the implementation of Accounting Standards by the Ministry of Finance in the preparation of the separate financial statements.

**2. Statement of Compliance with Accounting Standards and Regulations**

The Board of Directors of Alpha Seven Group Joint Stock Company ensures compliance with the requirements of the Vietnamese Accounting Standards and regulations issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016, which amends and supplements some articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC, and Circular No. 202/2014/TT-BTC dated December 22, 2014, as well as the circulars guiding the implementation of Accounting Standards by the Ministry of Finance in preparing the separate financial statements.

**IV. APPLICABLE ACCOUNTING POLICIES****1. Basis for the Preparation of the Separate Financial Statements**

The separate financial statements are prepared on an accrual basis (except for information related to cash flows)..

*This explanatory note is an inseparable part of the separate financial statements.*

## **2. Cash and Cash Equivalents**

Cash includes cash on hand and demand deposits.

Cash equivalents are short-term investments that are due or matutable within three months from the date of purchase, easily convertible to a known amount of cash, and subject to an insignificant risk of changes in value when converted to cash.

## **3. Financial Investments**

### ***Trading Securities***

An investment is classified as a trading security when it is held for the purpose of trading for profit.

Trading securities are recorded in the accounting books at cost. The cost of trading securities is determined based on the fair value of payments made at the transaction date, plus any related transaction costs.

Trading securities are recognized at the time the Company obtains ownership rights, specifically as follows:

- For listed securities: recognized at the transaction matching date (T+0).
- For unlisted securities: recognized at the time the Company officially obtains ownership rights in accordance with legal regulations.

Interest, dividends, and profits from periods prior to the acquisition of trading securities are deducted from the cost of the securities themselves. Interest, dividends, and profits from periods after acquisition are recorded as financial income. Dividends received in the form of shares are only monitored as an increase in the number of shares and are not recognized as an increase in the value of the securities received.

A provision for the devaluation of trading securities is established for each type of security traded on the market when its market price is lower than its cost. The fair value of listed securities or those traded on the UPCOM exchange is determined as the closing price on the date of the end of the accounting period. If no transactions occur on the stock exchange or UPCOM on the closing date of the accounting period, the fair value is based on the closing price of the most recent prior trading session.

Increases or decreases in the provision for devaluation of trading securities at the end of the accounting period are recognized in financial expenses.

### ***Loans***

Loans receivable are presented in the separate financial statements at their original value, less allowance for doubtful accounts.

The allowance for doubtful debts reflects the estimated loss in value as of the end of the accounting period for loans that are overdue, where the company has made multiple collection attempts without success, or loans that are not yet due but the debtor is in bankruptcy, undergoing liquidation, missing, or absconding.

### ***Investments in subsidiaries, Joint Venture and Affiliate Companies***

#### ***Subsidiary***

A subsidiary is a company that is under the control of another company. Control is achieved when the company has the ability to direct the financial and operating policies of the investee in order to obtain economic benefits from the activities of that entity.

#### ***Joint Venture and Affiliate Companies***

Joint Venture and Affiliate Companies are companies in which the company has significant influence but does not control financial and operating policies. Significant influence is



demonstrated by the ability to participate in the decisions about financial and operating policies of the investee, but without controlling these policies.

Investments in subsidiaries, joint ventures, and affiliate companies are initially recognized at cost, which includes the purchase price or the contribution made, along with any directly related costs. In the case of non-monetary asset investments, the investment's cost is recorded based on the fair value of the non-monetary asset at the time of the transaction.

Dividends and profits from prior periods, before the investment was purchased, are deducted from the value of the investment. Dividends and profits from subsequent periods, after the investment is acquired, are recognized as revenue. Dividends received in the form of shares are only tracked for the additional number of shares issued, without recognizing the value of the shares received.

A provision for loss on investments in subsidiaries, joint ventures, and affiliate companies is made when these companies report losses. The provision is calculated as the difference between the actual capital contribution from all parties in the subsidiary, joint venture, or affiliate company and the actual equity value, multiplied by the company's capital contribution ratio to the total actual capital contributed by all parties in these companies. If the subsidiary, joint venture, or affiliate company is subject to consolidated financial statements, the basis for determining the loss provision is the consolidated financial statements.

Any increase or decrease in the provision for the loss on investments in subsidiaries, joint ventures, and affiliate companies must be recognized as a financial expense at the end of the financial year.

***Investments in the equity instruments of other entities***

Investment in equity instruments of other entities includes investments in equity instruments where the Company does not have control, joint control, or significant influence over the investee.

Investments in the equity instruments of other entities are initially recognized at cost, which includes the purchase price or capital contribution plus directly attributable costs of the investment activity. Dividends and profits from periods prior to the purchase of the investment are recorded as a reduction in the value of the investment. Dividends and profits from periods after the purchase are recognized as revenue. Dividends received in the form of additional shares are only tracked by the number of additional shares, without recognizing the value of the shares received.

Provision for impairment of Investments in the equity instruments of other entities is made as follows:

- For investments in listed shares or where the fair value can be reliably determined, the provision is based on the market value of the shares.
- For investments where the fair value cannot be reliably determined at the reporting date, the provision is based on the losses of the investee, calculated as the difference between the actual capital contributions of the parties to the entity and its actual equity, multiplied by the Company's Capital Contribution Ratio relative to the total capital contributions at the investee.

Any increase or decrease in the provision for impairment of investments in the equity instruments of other entities at the end of the financial year is recognized in financial expenses.

**4. Accounts Receivable**

Receivables are presented at their book value minus any allowance for doubtful accounts.

The classification of Accounts Receivable is based on the following principles:

- Receivables from customers reflect commercial Accounts Receivable arising from purchase-sales transactions between the company and independent buyers, including receivables related to the sale of goods for export entrusted to another party.



- Receivables from related parties reflect Accounts Receivable from subsidiaries or entities without legal status and which are dependent on the company.
- Other receivables reflect Accounts Receivable unrelated to commercial transactions, such as non-purchase-sale related activities.

Allowance for doubtful debts is created for each outstanding receivable based on the aging of the debts or potential expected losses, The increase or decrease in the balance of the provision account is recorded in the separate income statement..

## **5. Prepaid expenses**

Prepaid expenses include actual costs that have been incurred but are related to the results of business operations over multiple accounting periods. The Company's prepaid expenses primarily consist of the following costs:

### ***Tools and equipment***

The tools and equipment that have been put into use are amortized into expenses using the straight-line method, with an allocation period of no more than 3 years.

## **6. Fixed tangible assets**

Tangible fixed assets are presented based on their original cost minus accumulated depreciation. The original cost of tangible fixed assets includes all expenses that the company must incur to acquire the asset until it is ready for use. Expenses incurred after the initial recognition are only included in the original cost if these expenses are certain to increase the future economic benefits from the use of the asset. Expenses that do not meet this condition are recognized as production and business expenses in the period.

When a tangible fixed asset is sold or disposed of, the original cost and accumulated depreciation are removed from the books, and the gain or loss from disposal is recognized in the income or expenses of the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method to reduce the original cost over their estimated useful life, in accordance with the guidance in Circular No. 45/2013/TT-BTC dated April 25, 2013, by the Ministry of Finance, Circular No. 147/2016/TT-BTC dated October 13, 2016, amending and supplementing some provisions of Circular No. 45/2013/TT-BTC, and Circular No. 28/2017/TT-BTC dated April 12, 2017, amending and supplementing some provisions of Circular No. 45/2013/TT-BTC and Circular No. 147/2016/TT-BTC by the Ministry of Finance. The number of years of depreciation for types of tangible fixed assets is as follows:

<u>Type of fixed assets</u>	<u>No. of year</u>
Buildings and structures	05 – 48
Machinery and equipment.	10 – 15
Transportation and transmission vehicles	4,5 – 10
Management equipment and tools	04

## **7. Intangible fixed assets**

Intangible fixed assets are presented based on their original cost minus accumulated depreciation. The original cost of intangible fixed assets includes all expenses the company incurs to acquire the asset until it is ready for use. Expenses related to intangible fixed assets incurred after initial recognition are recorded as production and business expenses in the period unless these expenses



are directly associated with a specific intangible fixed asset and enhance the economic benefits of these assets.

When intangible fixed assets are sold or disposed of, the original cost and accumulated depreciation are removed from the books, and the gain or loss from disposal is recognized in the income or expenses of the year.

The company's intangible fixed assets include:

***Software program***

Costs related to computer software programs are not part of the hardware associated with capitalization. The original cost of computer software is the total expenses incurred by the company up until the point the software is ready for use. Computer software is depreciated using the straight-line method over a period of 05 to 08 years.

**8. Investment real estate**

Investment real estate refers to property held for the purpose of generating income through leasing or capital appreciation, without being used in the production, supply of goods or services, management purposes, or for sale in the normal course of business.

Investment real estate is reflected based on its original cost minus accumulated depreciation.

The original cost of investment real estate includes all expenses incurred by the company or the fair value of other considerations exchanged to acquire the investment real estate, up to the point of purchase or the completion of construction.

Costs related to investment real estate incurred after initial recognition are recorded as production and business expenses for the period, unless these costs are certain to enhance the economic benefits generated by the investment real estate beyond the initial assessment, in which case the costs will be capitalized and added to the investment real estate.

Investment real estate is depreciated using the straight-line method over its estimated useful life as follows:

<u>Type of fixed assets</u>	<u>No. of year</u>
Buildings and structures	15

**9. Accounts payable**

Accounts payable and accrued expenses are recognized for amounts that need to be paid in the future related to goods and services that have been received. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates of the amounts to be paid.

The classification of payables is as follows:

- Payables to suppliers reflect commercial payables arising from transactions of purchasing goods, services, or assets, where the supplier is independent of the company, including payables arising from imports through a third-party agent.
- Accrued expenses reflect amounts owed for goods or services received from suppliers or provided to buyers, but not yet paid due to the absence of invoices or incomplete accounting documentation, as well as payables to employees for wages, paid leave, and provisions for production and business expenses.

- Other payables reflect non-commercial payables that are not related to the purchase, sale, or provision of goods and services.

## **10. Deferred revenue**

Deferred revenue at the company is the amount of money received in advance for one or more accounting periods for services that have been provided to customers. This revenue is allocated over the periods for which the company has received payment in advance.

## **11. Owner's equity**

### ***Owner's capital contributions***

Owner's capital contributions refer to the actual capital invested by the shareholders.

### ***Capital surplus***

Capital surplus reflects the difference between the issue price and the par value, as well as direct expenses related to the issuance of shares.

### ***Profit distribution***

Net profit after corporate income tax, having been allocated to funds and distributed to shareholders in accordance with the company's Charter or the resolution of the General Meeting of Shareholders.

Dividends paid to shareholders shall not exceed the undistributed net profit after tax and must consider non-cash items within the undistributed net profit that may affect cash flow and the ability to pay dividends.

## **12. Revenue and income recognition**

Revenue is recognized when the company is able to receive economic benefits that can be reliably determined. Revenue is determined based on the fair value of amounts received or to be received, after deducting trade discounts, sales allowances, and returns of goods sold.

### ***Revenue from providing services (such as terminal services, transportation, ...)***

Revenue from providing services is recognized when the outcome of the transaction can be reliably determined. In cases where the service is provided over multiple periods, revenue is recognized in each period based on the proportion of work completed by the end of the accounting period. The outcome of the service transaction is determined when all of the following conditions are met:

- The revenue can be determined with reasonable certainty.
- It is probable that economic benefits will flow from the transaction.
- The portion of work completed by the end of the financial year can be determined.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the service transaction can be determined.

### ***Interests***

Interest income is recognized on an accrual basis and is determined based on the balance of deposit accounts and the actual interest rate for each period.



### **13. COGS**

COGS (Cost of Goods Sold) is the total cost of goods and services provided, along with other costs that are included in the cost of goods sold or deducted from COGS.

### **14. Financial expenses**

Financial expenses refer to costs related to financial activities, including costs or losses related to financial investments: borrowing and lending costs; equity contributions to joint ventures and affiliates.

Borrowing costs include interest on loans and other costs directly associated with borrowings. In cases where borrowing costs are directly related to the construction or production of assets that are under construction and will require a significant period of time (more than 12 months) to be ready for their intended use or sale, these borrowing costs are capitalized. For loans specifically used for the construction of fixed assets or investment real estate, interest is capitalized even if the construction period is under 12 months. Income derived from the temporary investment of borrowed funds is deducted from the original cost of the related assets.

For common loans used for the construction or production of work-in-progress assets, capitalized borrowing costs are determined based on the capitalization ratio for the accumulated weighted average costs incurred for basic construction or the production of these assets. The capitalization rate is calculated based on the weighted average interest rate of unpaid loans in the period, except for loans specifically designated for the creation of a particular asset.

### **15. Selling expenses and administrative expenses**

Selling expenses and administrative expenses are all costs incurred in the process of selling products, goods, providing services, and the general administrative expenses of the company.

### **16. Taxes and other amounts payable to the State**

Value-added tax: using the credit method.

The company pays corporate income tax at a rate of 20% of the profit earned from business activities.

Other taxes are in accordance with the current regulations at the time of annual tax payment.

### **17. Corporate income tax**

Corporate income tax expense includes current income tax and deferred income tax.

#### ***Current income tax***

Current income tax is the tax calculated based on taxable income. Taxable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax and accounting, non-deductible expenses, as well as adjustments for tax-exempt income and carryforward losses.

#### **For rooftop solar power project activities:**

- Based on the provisions in Article 15, Clause 1 and Clause 2 of Decree No. 218/2013/ND-CP dated December 26, 2013, issued by the Government detailing and guiding the implementation of the Corporate Income Tax Law, ALPHA SEVEN Group Joint Stock Company is entitled to corporate income tax incentives for new investment projects in the following sectors: ... production of renewable energy, clean energy, energy from waste disposal, and biotechnology development. The specific incentives are as follows:

Apply a preferential tax rate of 10% for a period of 15 years (from 2021 to 2035).

### ***Deferred income tax***

Deferred income tax is the corporate income tax that will be payable or refunded due to temporary differences between the carrying amount of assets and liabilities for financial reporting purposes and the tax base. Deferred income tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences. Deferred income tax assets are only recognized when it is certain that future taxable profits will be available to utilize these temporary differences.

The carrying amount of deferred income tax assets is reviewed at the end of the accounting period and will be written down to the amount that ensures it is more likely than not that there will be sufficient taxable profits to allow the benefit of some or all of the deferred income tax asset to be realized. Deferred income tax assets that have not been previously recognized are reviewed at the end of the accounting period and are recognized when it is certain that there will be enough taxable profits to use these previously unrecognized deferred income tax assets.

Deferred income tax assets and liabilities are determined based on the tax rates that are expected to apply in the year when the asset is realized or the liability is settled, based on tax rates enacted at the end of the accounting period. Deferred income tax is recognized in the income statement, and only recognized directly in owner's equity when the tax relates to items that are directly recorded in owner's equity.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities can be offset when:

- The company has a legal right to offset current income tax assets against current income tax liabilities; and
- The deferred income tax assets and liabilities relate to corporate income taxes administered by the same tax authority:
  - For the same tax-paying entity; or
  - The company intends to settle the current income tax liability and current income tax assets on a net basis or realize the asset simultaneously with settling the liability in each future period when material amounts of deferred income tax liabilities or deferred income tax assets will be settled or realized

## **18. Related party**

Parties are considered related if one party has the ability to control or exert significant influence over the other party in making decisions about financial and operating policies. Parties are also considered related if they are under common control or significant common influence.

In assessing the relationship of related parties, the substance of the relationship is given more emphasis than its legal form.

## **19. Reporting by Segment**

A business segment by Business Areas is a distinguishable part that participates in the process of manufacturing or providing products or services, and has risks and economic benefits that are different from those of other business segments.



A segment by geographical areas is a distinguishable part that participates in the process of manufacturing or providing products or services within a specific economic environment and has risks and economic benefits that are different from those of business segments in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in accordance with the Accounting Policy applied to the preparation and presentation of the Company's (individual) Financial Statements.

## V. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE (INDIVIDUAL) BALANCE SHEET (UNIT: VND)

### 1. Cash and Cash Equivalents

Detail	30/06/2025	31/12/2024
- Cash	653.789.890	686.257.568
- Demand deposits	577.771.758	769.773.840
<b>Total</b>	<b>1.231.561.648</b>	<b>1.456.031.408</b>

### 2. Trading securities

	Closing balance			Opening balance		
	Original cost	Fair value	Provision	Original cost	Fair value	Provision
<b>Security</b>	-	-	-	55.200.000.000	51.020.000.000	(4.180.000.00)
- Đức Long Gia Lai Construction Investment Joint Stock Company	-	-	-	55.200.000.000	51.020.000.000	(4.180.000.000)
<b>Total</b>	-	-	-	55.200.000.000	51.020.000.000	(4.180.000.000)

(\*)It is an input item of Đức Long Gia Lai Construction Investment Joint Stock Company according to the Board of Directors' Resolution No. 18A/NQ-HĐQT-A7 dated September 23, 2022.

### 3. Short-term financial investments

Detail	30/06/2025	31/12/2024
- 1-year term deposit	90.000.000.000	100.000.000.000
- below 1-year term deposit	40.000.000.000	
<b>Total</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

### 4. Short-term receivables from customers

Detail	30/06/2025	31/12/2024
--------	------------	------------

**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025

Detail	30/06/2025	31/12/2024
<b>Receivables from related parties</b>	<b>110.819.560</b>	-
- <i>DLG Ansen Electronics Co. Ltd.</i>	110.819.560	-
<b>Receivables from other customers</b>	<b>137.037.188.830</b>	<b>211.634.114.963</b>
- Hung Nhan Gia Lai One Member Limited Liability Trading Company	1.383.000.000	1.383.000.000
- Mr. Nguyễn Đức Toàn	80.000.000.000	210.000.000.000
- Truong An Tay Nguyen One Member Limited Liability Company	55.200.000.000	-
- Other Customers	454.188.830	251.114.963
<b>Total (*)</b>	<b>137.148.008.390</b>	<b>211.634.114.963</b>

**5. Short-term advance payments to suppliers**

Detail	30/06/2025	31/12/2024
<b>Advance payments to related parties</b>	-	-
<b>Advance payments to other parties</b>	<b>44.717.475.639</b>	<b>2.970.300.000</b>
- Sơn Tùng Investment Joint Stock Company	1.260.000.000	1.260.000.000
- Nguyễn Hữu Hậu	40.000.000.000	-
- Other suppliers	3.457.475.639	1.710.300.000
<b>Total</b>	<b>44.717.475.639</b>	<b>2.970.300.000</b>

**6. Short-term receivables from loans****. Short-term receivables from loans**

Detail	30/06/2025	31/12/2024
<b>Receivables from related parties</b>	-	-
<b>Receivables from other organizations and individuals</b>	<b>96.879.493.346</b>	<b>77.208.383.344</b>
- Hồ Thị Thu (*)	54.030.493.344	14.545.493.344
- Mai Xuân Bình (*)	20.000.000.000	43.983.190.000
- Trần Thị Quỳnh (*)	-	18.679.700.000
- Phạm Thị Bích Loan	22.849.000.002	-
<b>Total</b>	<b>96.879.493.346</b>	<b>77.208.383.344</b>

(\*) Loans to individuals and companies according to specific contracts, with a loan term of 12 months

**7. Inventory**

This explanatory note is an inseparable part of the separate financial statements.



**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025

Detail	30/06/2025		31/12/2024	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
Raw materials and supplies <sup>(1)</sup>	645.203.559	-	645.203.559	-
<b>Total</b>	<b>645.203.559</b>	<b>-</b>	<b>645.203.559</b>	<b>-</b>

(1) Raw materials and supplies mainly consist of solar panels.

**8. Other short-term and long-term receivables****8a. Other short-term receivables**

Detail	30/06/2025	31/12/2024
<b>Receivables from related parties</b>	<b>36.792.400.000</b>	<b>7.442.400.000</b>
Đức Long Đắk Nông BOT and BT Joint Stock Company	11.730.000.000	7.380.000.000
DLG Ninh Thuận Solar Electricity Joint Stock Company	25.000.000.000	
Đức Long Gia Lai Construction Investment Joint Stock Company	62.400.000	62.400.000
<b>Receivables from other organizations and individuals</b>	<b>17.735.336.264</b>	<b>20.457.167.931</b>
- Loan interest receivable	7.194.330.943	6.467.024.905
- Accrued interest on term deposits	-	3.916.506.850
- Others	10.541.005.320	10.073.636.176
<b>Total</b>	<b>54.527.736.263</b>	<b>27.899.567.931</b>

**8b. Other Long-term receivables**

Detail	30/06/2025	31/12/2024
<b>Receivables from related parties</b>	<b>2.064.375.501</b>	<b>2.064.375.501</b>
- Đức Long Gia Lai Group Joint Stock Company (escrow)	2.064.375.501	2.064.375.501
<b>Receivables from other organizations and individuals</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Total</b>	<b>2.064.375.501</b>	<b>2.064.375.501</b>

**9. Provision for Doubtful Accounts Receivable**

	Closing balance			Opening balance		
	Overdue period	Original cost	Recoverable amount	Overdue period	Original cost	Recoverable amount
<b>Related parties</b>		-	-		-	-
<b>Other organizations and</b>		<b>1.383.000.000</b>	<b>710.300.000</b>		<b>1.383.000.000</b>	<b>710.300.000</b>

This explanatory note is an inseparable part of the separate financial statements.

**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot I3-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025**individual**

Hùng Nhân Trading One Member Limited Liability Company	From 2 years to less than 3 years	1.383.000.000	710.300.000	From 2 years to less than 3 years	1.383.000.000	710.300.000
			0		0	0
<b>Total</b>		<b>1.383.000.000</b>	<b>710.300.000</b>		<b>1.383.000.000</b>	<b>710.300.000</b>

*The changes in the provision for doubtful receivables are as follows:*

	<b>This year</b>	<b>Last year</b>
Opening balance	(672.700.000)	(672.700.000)
Provision for supplementary reserve	-	-
Reversal of Provision	-	-
<b>Closing balance</b>	<b>(672.700.000)</b>	<b>(672.700.000)</b>

**10. Short-term and long-term prepaid expenses****10a. Short-term prepaid expenses**

<b>Detail:</b>	<b>30/06/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
- Tools and Equipments	336.215.758	52.318.332
<b>Closing balance</b>	<b>336.215.758</b>	<b>52.318.332</b>

*Situation of fluctuations*

	<b>30/06/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
- Opening balance	52.318.332	56.111.822
- Increase during the year	333.732.168	297.035.690
- Allocation during the year	(49.834.742)	(300.829.180)
<b>Closing balance</b>	<b>336.215.758</b>	<b>52.318.332</b>

**10b Long-term prepaid expenses**

<b>Detail:</b>	<b>30/06/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
- Repair expenses	713.230.321	270.061.726
- Other expenses	38.580.244	108.784.407
<b>Closing balance</b>	<b>751.810.565</b>	<b>378.846.133</b>

*Situation of fluctuations*



**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025

	30/06/2025	31/12/2024
- Opening balance	378.846.133	906.628.220
- Increase during the year	636.359.226	61.050.727
- Allocation during the year	(263.394.794)	(588.832.814)
<b>Closing balance</b>	<b>751.810.565</b>	<b>378.846.133</b>

**11. Fixed tangible assets**

The details of the increase and decrease in fixed tangible assets are as follows:

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Transportation and transmission vehicles	Management tools and equipment	Total
<b>Original cost</b>					
<b>Opening balance (01/01/2025)</b>	24.870.103.899	21.095.269.492	1.971.463.637	271.815.200	48.208.652.228
Increase during the year	-	-	-	-	-
Decrease during the year	-	-	-	-	-
<b>Closing balance (30/06/2025)</b>	<b>24.870.103.899</b>	<b>21.095.269.492</b>	<b>1.971.463.637</b>	<b>271.815.200</b>	<b>48.208.652.228</b>
Among them:					
Fully depreciated but still in use	460.783.980	-	3.203.035.064	67.400.000	3.731.219.044
<b>Accumulated depreciation</b>					
<b>Opening balance (01/01/2025)</b>	17.334.333.603	7.048.699.086	1.971.463.637	271.815.200	26.626.311.526
Depreciation for the year	528.402.030	880.479.240	-	-	1.408.881.270
Decrease during the year	-	-	-	-	-
<b>Closing balance (30/06/2025)</b>	<b>17.862.735.633</b>	<b>7.929.178.326</b>	<b>1.971.463.637</b>	<b>271.815.200</b>	<b>28.035.192.796</b>
<b>Remaining Value</b>					
<b>Opening balance (01/01/2025)</b>	7.535.770.296	14.046.570.406	-	-	21.582.340.702
<b>Closing balance (30/06/2025)</b>	<b>7.007.368.266</b>	<b>13.166.091.166</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>20.173.459.432</b>

**12. Intangible fixed assets**

The details of the increase and decrease in intangible fixed assets are as follows:

	Computer software	Land use rights	Total
<b>Original cost</b>			
Opening balance (01/01/2025)	441.795.000	60.000.000.000	60.441.795.000
Increase during the year	-	-	-
Closing balance (30/06/2025)	441.795.000	60.000.000.000	60.441.795.000
Among them: Fully depreciated but still in use	58.625.000	-	58.625.000
<b>Accumulated depreciation</b>			
Opening balance (01/01/2025)	319.552.515	-	319.552.515
Depreciation for the year	19.689.522	-	19.689.522
Decrease during the year	-	-	-
Closing balance (30/06/2025)	339.342.037	-	339.342.037
<b>Remaining Value</b>			
Opening balance (01/01/2025)	122.242.485	-	122.242.485
Closing balance (30/06/2025)	102.552.963	60.000.000.000	60.102.552.963

**13. Investment real estate**

The details of the increase and decrease in investment real estate are as follows:

	Infrastructure <sup>(*)</sup>	Total
<b>Original cost</b>		
Opening balance (01/01/2025)	1.891.892.974	1.891.892.974
Increase during the year	-	-
Decrease during the year	-	-
Closing balance (30/06/2025)	1.891.892.974	1.891.892.974
Among them: Fully depreciated but still in use	-	-
<b>Accumulated depreciation</b>		
Opening balance (01/01/2025)	1.891.892.974	1.891.892.974
Depreciation for the year	-	-
Decrease during the year	-	-
Closing balance (30/06/2025)	1.891.892.974	1.891.892.974
<b>Remaining Value</b>		
Opening balance (01/01/2025)	0	0
Closing balance (30/06/2025)	0	0

<sup>(\*)</sup> These are the company's retail kiosks that are currently being leased.



**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot I3-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025**14. Construction in progress**

	Opening balance	Expenses incurred during the year	Transferred to fixed assets during the year	Other decrease	Closing balance
<b>Construction in progress</b>					
Land use rights 97/4 Nguyễn Hữu Cánh (*)	48.000.000.000	-			48.000.000.000
'- Cost of Construction in Progress for Nguyen Huu Cánh Building	843.637.960	240.000.000			1.083.637.960
<b>Total</b>	<b>48.843.637.960</b>	<b>240.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>49.083.637.960</b>

(\*) The Land use rights at 97/4 Nguyen Huu Canh, currently under construction, were purchased under a Sale and Purchase Agreement for the house and transfer of Land use rights (No. 12033) on July 7, 2024, between Mr. Tran Van Chin, Mrs. Le Thi Kieu Thuy, and the Company. The Certificate of Ownership of the house and land use rights is for the property located at 97/4 Nguyen Huu Canh Street, Ward 22, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City

**15. Long-term financial investment**

	Closing balance (30/06/2025)			Opening balance		
	Original cost	Fair value (*)	Provision	Original cost	Fair value (*)	Provision
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>537.000.000.000</b>	<b>486.020.179.784</b>	<b>50.979.820.216</b>	<b>537.000.000.000</b>	<b>517.216.343.208</b>	<b>19.783.656.792</b>
Investment in Subsidiary DLG Ansen Electronics Limited Liability Company (1)	80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000	-
DLG Ninh Thuận Solar Power Joint Stock Company (2)	202.000.000.000	202.000.000.000		202.000.000.000	202.000.000.000	
Mass Noble Investment Limited Company (3)	255.000.000.000	204.020.179.784	50.979.820.216	255.000.000.000	235.216.343.208	19.783.656.792
Investment in Joint Venture and Affiliate Companies	201.187.500.000	201.187.500.000	-	201.187.500.000	201.187.500.000	-
<b>Total</b>	<b>738.187.500.000</b>	<b>687.207.679.784</b>	<b>50.979.820.216</b>	<b>738.187.500.000</b>	<b>718.403.843.208</b>	<b>19.783.656.792</b>

**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025

(1) DLG Ansen Electronics Limited Liability Company operates under Investment Certificate No. 753412041 issued by the Ho Chi Minh City High-Tech Park Management Board (first issued on May 31, 2017, and amended for the first time on December 24, 2020). The company was established under Business Registration Certificate No. 0315016980, first issued on April 27, 2018, with the third amendment made on June 1, 2021. The company's main business activities include manufacturing consumer electronics products; manufacturing measuring, testing, navigation, and control equipment; and producing electronic components. As of the end of the financial period, the company has invested VND 80,000,000,000, equivalent to 100% of the charter capital of DLG Ansen Electronics Limited Liability Company (Opening balance: VND 80,000,000,000, equivalent to 100% of the charter capital).

(2) DLG Ninh Thuận Solar Power Company was established under Business Registration Certificate No. 4500619268 on November 30, 2017, issued by the Department of Planning and Investment of Ninh Thuan Province. The company's main business activities include investing in and constructing solar power and wind power projects; producing and transmitting electricity; extracting stone and clay; constructing railway and road projects; and installing industrial machinery and electrical systems. As of the end of the financial period, the company has invested 10,500,000 Securities, equivalent to 50% of the charter capital of DLG Ninh Thuận Solar Power Joint Stock Company (Opening balance: 10,500,000 Securities, equivalent to 50% of the charter capital).

(3) As of the end of the financial period, the company has invested VND 255,000,000,000, equivalent to 97.73% of the charter capital of Mass Noble Investment Limited Company. The main business activities include manufacturing high-tech electronic, telecommunication components, and equipment. (Opening balance: VND 0)

(4) Đức Long Đắk Nông BOT and BT Joint Stock Company was established under Business Registration Certificate No. 6400192949 on August 3, 2010, and amended for the ninth time on March 27, 2018, issued by the Department of Planning and Investment of Dak Nong Province. The company's main business activity is investment in the construction of transportation infrastructure. As of the end of the financial period, the company has invested 7,250,000 Securities, equivalent to 29% of the charter capital of Đức Long Đắk Nông BOT and BT Joint Stock Company (Opening balance: 7,250,000 Securities, equivalent to 29% of the charter capital).

**16. Short-term advances from customers**

Detail	30/06/2025	31/12/2024
<b>Payables to related parties</b>	<b>4.804.830.000</b>	<b>3.863.200.000</b>
Duc Long Gia Lai Group Joint Stock Company	4.804.830.000	3.863.200.000
<b>Payables to other suppliers</b>	<b>7.657.244.114</b>	<b>8.622.374.114</b>
- VES JSC.	7.500.000.000	7.500.000.000
- Other entities	157.244.114	1.122.374.114
<b>Total (*)</b>	<b>12.462.074.114</b>	<b>12.485.574.114</b>

**17. Taxes and other amounts payable to the State**

	Opening balance		Transactions during the year		Closing balance	
	Payable	Receivable	Payable	Paid	Payable	Receivable
- Value Added Tax	349.032.082	-	1.043.532.323	(1.305.525.631)	87.038.774	-



**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025

- Corporate income tax	2.403.156.104	-	971.529.256	(200.000.000)	3.174.685.360	-
- Property tax and land rent	765.285.600	-	-	(301.000.000)	464.285.600	-
- Other fees, charges, and payables	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Personal Income Tax	-	-	2.559.652.008	(2.559.652.008)	-	-
<b>Total</b>	<b>3.517.473.786</b>	<b>-</b>	<b>4.578.713.587</b>	<b>(4.370.177.639)</b>	<b>3.726.009.734</b>	<b>-</b>

**Value Added Tax**

The company pays Value Added Tax under the credit method.

**Corporate income tax**

The company pays Corporate Income Tax on taxable income as follows :

*Solar rooftop project activities with a tax rate of 10%,**Other activities with a tax rate of 20%.*

Corporate income tax payable for the period is estimated as follows :

	<b>30/06/2025</b>	<b>30/06/2024</b>
Total accounting profit before tax	36.515.336.185	6.825.142.536
Adjustments to increase or decrease accounting profit to determine taxable profit for Corporate Income Tax:		
- Increase adjustments	19.114.167	497.614.197
+ Other unreasonable or non-compliant expenses	19.114.167	479.614.197
+ Depreciation expenses for vehicles exceeding 1.6 billion		-
+ Increase adjustments	-	-
- Decreases adjustments	(54.350.000.000)	-
+ Dividends received after the investment period	(54.350.000.000)	-
- Loss carryforward	-	-
+ Dividends from capital investments		-
Taxable income	(17.815.549.648)	7.304.756.733
+ Includes:		
+ Taxable income losses at branches filing separate CIT returns	(22.673.195.931)	
+ Taxable income gains at branches filing separate CIT returns	4.857.646.283	-
Taxable income	4.857.646.283	7.304.756.733
- Taxable income Tax rate 10%	-	1.633.482.980
- Taxable income Tax rate 20%	4.857.646.283	5.671.273.753
Corporate income tax rate	10% và 20%	10% và 20%
Corporate Income Tax payable at the standard	971.529.256	1.297.603.048

This explanatory note is an inseparable part of the separate financial statements.

**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025

tax rate

Total Payable Corporate Income Tax

971.529.256

1.297.603.048

**18. Short-term accrued expenses**

It is the interest expense.

**19. Other short-term and long-term payables***Other short-term payables*

	30/06/2025	31/12/2024
- Deposit for renting kiosks, parking lots, and security deposits	191.709.000	191.709.000
- Social insurance, Health insurance, Unemployment insurance	37.611.456	27.865.792
- Other payables	78.000.000	95.956.200
<b>Total</b>	<b>307.320.456</b>	<b>315.530.992</b>

**20. Short-term borrowings and finance lease liabilities**

Detail	30/06/2025		31/12/2024	
	Value	Amount available for debt repayment	Value	Amount available for debt repayment
<b>Short-term borrowings and finance lease liabilities payable to related parties</b>	<b>2.747.659.000</b>	<b>2.747.659.000</b>	<b>15.388.498.047</b>	<b>15.388.498.047</b>
DLG Ansen Electronics Limited Liability Company <sup>(1)</sup>	2.747.659.000	2.747.659.000	15.388.498.047	15.388.498.047
<b>Short-term borrowings and finance lease liabilities phải trả Other organizations and individual</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>
- Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade - Ho Chi Minh City Branch <sup>(2)</sup>	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
<sup>(3)</sup> Asia Commercial Bank (ACB) - Ba Thang Hai Branch, Ho Chi Minh City	40.000.000.000	40.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Total</b>	<b>42.747.659.000</b>	<b>42.747.659.000</b>	<b>115.388.498.047</b>	<b>115.388.498.047</b>

This explanatory note is an inseparable part of the separate financial statements.



**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025

<sup>(2)</sup> This is a loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade – Ho Chi Minh City Branch under the following agreements: Contract No. 1401LAV240046293 dated May 29, 2024, Contract No. 1401LAV240062948 dated June 28, 2024, and Debt Acknowledgement No. 1401LDS240001032 dated May 29, 2024.

- The loan limit is VND 50,000,000,000.

- The loan term for each debt is calculated from the day following the disbursement date by the lender until the borrower must repay the entire principal and interest.

- The loan term is specified in each Debt Acknowledgement but shall not exceed 05 months.

- The interest rate: as per each loan disbursement.

- Purpose: to supplement working capital for business operations.

- Collateral: This loan is secured under the Guarantee Agreement No. 1401HDBĐ202411111 dated May 29, 2024, and Guarantee Agreement No. 1401HDBĐ202400001 dated June 28, 2024.

<sup>(3)</sup> This is a loan from Asia Commercial Bank (ACB) - Ba Thang Hai Branch, Ho Chi Minh City under the following agreements: Contract No. KHO.DN1105 090924 dated September 9, 2024; Mortgage Agreement No. KHO.BĐ DN77.090924 dated September 9, 2024; Debt Acknowledgement dated September 10, 2024, October 16, 2024, and October 28, 2024;

<sup>(1)</sup> This is a short-term loan with a term of 12 months and an interest rate of 5.3% per annum;

**21. Owner's equity****21a. Statement of changes in owner's equity**

	Owner's capital contributions	Capital surplus	Development Investment Fund	Undistributed after-tax profit (*)	Total
Opening balance of the previous year (01/01/2024)	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	100.182.443.890	1.164.256.368.515
Increase during the previous year	-	-	-	23.606.228.267	23.606.228.267
Increase from business results				23.606.228.267	23.606.228.267
Decrease during the previous year				-	-
Closing balance of the previous year (31/12/2024)	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	123.788.672.157	1.187.862.596.782
Opening balance of the current year (01/01/2025)	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	123.788.672.157	1.187.862.596.782
Increase during This year	-	-	-	35.543.806.929	35.543.806.929
Increase from business results	-	-	-	35.543.806.929	35.543.806.929
Decrease during This year	-	-	-	-	-
Closing balance of the period (30/06/2025)	1.062.360.940.000	1.049.485.820	663.498.805	159.332.479.086	1.223.406.403.711

**22b. Equity transactions with owners and profit distribution**

**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot I3-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025

	<b>30/06/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
- Owner's equity investment		
+ Opening contributed capital	1.062.360.940.000	1.062.360.940.000
+ Contributed capital Increase during the year	-	-
+ Contributed capital Decrease during the year	-	-
+ Contributed capital end of term	1.062.360.940.000	1.062.360.940.000

**22c. Security**

	<b>30/06/2025</b>	<b>31/12/2024</b>
Number of securities registered for issuance	106.236.094	106.236.094
Number of securities issued/sold to the public	106.236.094	106.236.094
- Regular Security	106.236.094	106.236.094
- Preferred securities (classified as owner's equity)	-	-
Number of securities repurchased		
- Regular Security	-	-
- Preferred securities	-	-
Number of securities outstanding	106.236.094	106.236.094
- Regular Security	106.236.094	106.236.094
- Preferred securities	-	-

Par value of outstanding securities: 10.000VND/share.

**VI. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE SEPARATE INCOME STATEMENT (UNIT: VND)****1. Revenue from sales of goods and provision of services**

Detail:	<b>Q2-2025</b>	<b>Q2-2024</b>
- COGS of Port operations	3.984.245.758	3.278.621.965
- COGS of Transportation operations	81.312.602	47.271.364
- COGS of Solar power operations	1.723.523.981	1.705.702.575
<b>Total</b>	<b>5.789.082.341</b>	<b>5.031.595.904</b>

**2. COGS**

Chi tiết gồm:	<b>Q2-2025</b>	<b>Q2-2024</b>
- Giá vốn hoạt động bến bãi	1.033.024.473	1.355.250.041
- Giá vốn hoạt động vận chuyển	92.435.577	83.560.595
- Giá vốn hoạt động điện mặt trời	580.937.251	685.512.162
<b>Cộng</b>	<b>1.706.397.301</b>	<b>2.124.322.798</b>

This explanatory note is an inseparable part of the separate financial statements.



**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025**3. Revenue from financial operations**

Detail:	Q2-2025	Q2-2024
- Loan interest	2.820.010.780	3.340.712.932
- Dividends received	29.350.000.000	-
- Interest on demand deposits	1.359.743.837	1.444.232
Total	<b>33.529.754.617</b>	<b>3.342.157.164</b>

**4. Financial expenses**

Detail:	Q2-2025	Q2-2024
- Interest on loans	665.971.615	2.157.591.041
- Loss on disposal of financial investments	24.525.905.754	-
Total	<b>25.191.877.369</b>	<b>2.157.591.041</b>

**5. Selling expenses**

Detail:	Q2-2025	Q2-2024
- Labor costs	120.892.307	119.111.538
- Others	19.917.600	20.638.800
Total	<b>140.809.907</b>	<b>139.750.338</b>

**6. Administrative expenses**

Detail:	Q2-2025	Q2-2024
- Expenses for Employees	354.925.257	283.211.794
- Depreciation expense of fixed assets	157.110.039	167.686.728
- Provision for bad debts expense	-	-
- Others	456.382.203	376.632.957
Total	<b>968.417.499</b>	<b>827.531.479</b>

**7. Other expenses**

Detail gồm:	Q2-2025	Q2-2024
- Các chi phí khác	42.409.129	28.527.865
Total	<b>42.409.129</b>	<b>28.527.865</b>

**8. Production and business costs by category**

Detail:	Q2-2025	Q2-2024
- Chi phí Raw materials and supplies	48.373.740	47.664.200
- Labor costs	749.689.080	670.473.408

**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot I3-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025

- Depreciation expense of fixed assets	712.086.135	727.061.346
- Outsourced service costs	745.117.675	1.227.310.349
- Other cash expenses	560.358.077	419.095.312
<b>Total</b>	<b>2.815.624.707</b>	<b>3.091.604.615</b>

**VII. OTHER INFORMATION****1. Contingent liabilities**

The company has no contingent liabilities that are expected to arise as of the date of this report.

**2. Transactions and balances with related parties****2a. Transactions and balances with key management personnel and individuals related to key management personnel**

Related parties of the Company include: key management personnel, individuals related to key management personnel, and other related parties.

<b>Key management personnel</b>	<b>Relationship</b>
---------------------------------	---------------------

**Transactions with key management personnel and individuals related to key management personnel****Balances with key management personnel and individuals related to key management personnel**

Balances with key management personnel and individuals related to key management personnel has been disclosed in Note V.5

**Income of key management personnel (Board of Directors)**

<b>Salary</b>	<b>Position</b>	<b>Q2-2025</b>	<b>Q2-2024</b>
- Mr. Nguyễn Đình Trạc	General Director	45.000.000	45.000.000
- Mr. Chu Sỹ Hoạt	Deputy Director	22.125.000	32.970.000
- Mr. Phạm Tiến Dũng	Deputy Director	33.570.000	33.570.000
- Ms. Hà Thị Phương Oanh	Chief of Accounting Department	30.000.000	30.000.000
<b>Total</b>		<b>130.695.000</b>	<b>141.540.000</b>

During the year, no salary or remuneration was paid to the members of the Board of Directors and the Supervisory Board at the Company.

**2b. Transactions and balances with other related parties****Other related parties of the Company include:**

<b>Related party</b>	<b>Relationship</b>
DLG Ninh Thuan Solar Power Joint Stock Company	Subsidiary (Holding 50% Chartered Capital)



**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025

<b>Related party</b>	<b>Relationship</b>
Duc Long Dak Nong BOT and BT Joint Stock Company	Affiliate company(Holding 29% Chartered Capital)
Duc Long Gia Lai Group Joint Stock Company	Joint major shareholder
DLG Ansen Electronics Limited Liability Company	Subsidiary (Holding 100% Chartered Capital)
Duc Long Gia Lai Construction Investment Joint Stock Company	Investment company(Holding 98% Chartered Capital)
Duc Long Gia Lai Wood Processing Branch – Duc Long Gia Lai Group Joint Stock Company	A branch of Duc Long Gia Lai Group Joint Stock Company
Công Ty Mass Noble Investment Limited	Subsidiary (Holding 97,73% Chartered Capital)
Ansen Investment Holdings Limited	Indirect subsidiary
Shine Profit Development Limited	Indirect subsidiary
Greatrich Industrial Limited	Indirect subsidiary
Profit Metal Limited	Indirect subsidiary
東莞橋頭益發燈具有限公司	Indirect subsidiary
東莞利材塑膠製品有限公司	Indirect subsidiary
東莞安迅電子有限公司	Indirect subsidiary

*The transactions arising between the Company and other related parties are as follows:*

<b>Related party</b>	<b>Transaction details</b>	<b>Q2-2025</b>	<b>Q2-2024</b>
- Duc Long Gia Lai Group Joint Stock Company	Kiosk rental	264.000.000	264.000.000
	Roof rental	60.000.000	60.000.000
- Duc Long Gia Lai Group Joint Stock Company	Vehicle rental	13.636.364	13.636.364
- DLG Ansen Electronics Limited Liability Company	Collect electricity bill	239.417.769	1.440.686.595
	Loan	2.747.659.000	
	Interest	146.868.299	
- Duc Long Dak Nong BOT and BT Joint Stock Company	Dividends received after the investment period	4.350.000.000	
- DLG Ninh Thuan Solar Power Joint Stock Company	Dividends received after the investment period	50.000.000.000	
<b>Other activities</b>			

**ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Address: Lot 13-6, N2 Street, Hi-Tech Park, Tan Nhon Phu A Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.

**Separate Financial Statement Notes**2<sup>nd</sup> Quarter of 2025, Financial Term Ending June 30, 2025*Note: The transaction values above are exclusive of Value Added Tax.***Closing balance of the period Other related parties**

Closing balance of the period của Other related parties As detailed in the Notes to section V.2, V.3, V.4, V.6.

**3. Reporting by segment****Segment Report by Business Areas**

The company has the following main business areas:

- Bus Station and Parking Lot Services;
- Passenger Transportation Services;
- Electricity Generation.

	Revenue from Port services	Revenue from Transportation services	Revenue from Solar energy	Total
<b>This year</b>				
Revenue from sales and provision of services	3.984.245.758	81.312.602	1.723.523.981	5.789.082.341
COGS	1.033.024.473	92.435.577	580.937.251	1.706.397.301
<b>Gross Profit</b>	<b>2.951.221.285</b>	<b>(11.122.975)</b>	<b>1.142.586.730</b>	<b>4.082.685.040</b>
<b>Last year</b>				
Revenue from sales and provision of services	3.278.621.965	47.271.364	1.705.702.575	5.031.595.904
COGS	1.355.250.041	83.560.595	685.512.162	2.124.322.798
<b>Gross Profit</b>	<b>1.923.371.924</b>	<b>(36.289.231)</b>	<b>1.020.190.413</b>	<b>2.907.273.106</b>

**Segment report by geographical area**

The company's entire operations are conducted solely within the territory of Vietnam.

**4. Comparative data**

The data in the Financial Statements for the financial year ending on December 31, 2024, has been audited by Chuẩn Việt Auditing and Consulting Company Limited. For the Income Statement and the Cash Flow Statement, the comparative data is as of March 31, 2025.

HCM City, July 30, 2025.

Prepared by/Chief of Accounting Department

**HÀ THỊ PHƯƠNG OANH**

General Director

**NGUYỄN ĐÌNH TRẠC**